TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 3 năm 2026
V/v "*Ly hôn*" và "*Nuôi con chung khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trần Anh Khoa.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Sơn;
Bà Chamaléa Thị Khuyên.
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Toà án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 83/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn"* và *"Nuôi con chung khi ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/01/2026 và Quyết định Hoãn phiên toà số 04/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09/02/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mai T, sinh năm 1998 (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt);
Nơi cư trú: Thôn G, xã X, tỉnh Khánh Hòa.
- Bị đơn: Anh Thái Văn Tr, sinh năm 1994 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: Thôn P, xã M, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị Mai T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, chị T trình bày:

Chị Trần Thị Mai T và anh Thái Văn Tr có tìm hiểu và quen biết nhau 1 thời gian, đến năm 2020 thì làm lễ kết hôn theo phong tục, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Nay là xã X, tỉnh Khánh Hòa) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2020 ngày 22/9/2020.

Sau khi kết hôn, chị T và anh Tr sống tại thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Nay là xã X, tỉnh Khánh Hòa), sau một thời gian chung sống giữa chị T và anh Tr phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đến tháng 9/2024 thì anh Tr bỏ về sống tại thôn P, xã M cho đến nay.

Hiện nay, anh Thái Văn Tr vẫn đang đăng ký cư trú và có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã M, tỉnh Khánh Hòa.

Chị T và anh Tr có 01 con chung là cháu: Thái Thùy Tú U, sinh ngày 10/9/2021, hiện nay cháu U đang sống với chị T.

Chị T và anh Tr không có tài sản chung và không có nợ chung.

Chị T giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

1. ***Về quan hệ hôn nhân***: Chị Trần Thị Mai T yêu cầu ly hôn với anh Thái Văn Tr.

2. ***Về con chung:*** Chị Trần Thị Mai T đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là cháu Thái Thùy Tú U, sinh ngày 10/9/2021 và không yêu cầu anh Thái Văn Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

3. ***Về tài sản chung và nợ chung***: Chị Trần Thị Mai T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Mai T đồng ý chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Thái Văn Tr đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy báo nhưng vắng mặt nên không có nội dung trình bày.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Khánh Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý cho đến Tr thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, chị Trần Thị Mai T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng anh Thái Văn Tr không chấp hành.

Về sự vắng mặt của anh Thái Văn Tr: Anh Thái Văn Tr đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt anh Thái Văn Tr.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mai T, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân**:** Chị Trần Thị Mai T được ly hôn với anh Thái Văn Tr.

- Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Trần Thị Mai T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Thái Thùy Tú U, sinh ngày 10/9/2021.

Anh Thái Văn Tr không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Trần Thị Mai T không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Mai T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Mai T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp:

Chị Trần Thị Mai T và anh Thái Văn Tr kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Nay là xã X, tỉnh Khánh Hòa) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2020 ngày 22/9/2020. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ tranh chấp được xác định là "*Ly hôn*" và "*Nuôi con chung khi ly hôn*".

[1.2]. Về thẩm quyền của Tòa án:

Bị đơn anh Thái Văn Tr có nơi cư trú tại xã M, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Khánh Hòa.

[1.3]. Về sự vắng mặt của anh Thái Văn Tr:

Anh Thái Văn Tr đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Tr vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh Thái Văn Tr.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Mai T và anh Thái Văn Tr kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Nay là xã X, tỉnh Khánh Hòa) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2020 ngày 22/9/2020. Căn cứ Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Tr là hợp pháp.

Xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Giấy báo, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Thái Văn Tr đều vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng, chứng tỏ anh Tr đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với chị T.

Từ các tài liệu, chứng cứ nói trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở để kết luận:

Cuộc sống hôn nhân giữa chị Trần Thị Mai T và anh Thái Văn Tr phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng vợ chồng không tìm cách chia sẻ, hàn gắn, cảm thông, nhường nhịn lẫn nhau, chứng tỏ mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của chị Trần Thị Mai T và anh Thái Văn Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mai T về việc ly hôn với anh Thái Văn Tr.

[2.2]. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị Trần Thị Mai T và anh Thái Văn Tr có 01 con chung là cháu Thái Thùy Tú U, sinh ngày 10/9/2021, hiện nay đang sống với chị T.

Xét thấy:

Hiện nay, cháu Thái Thùy Tú U còn nhỏ, đang sống với chị Trần Thị Mai T. Do đó, việc chị T đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là đảm bảo cho cháu có được điều kiện chăm sóc tốt nhất và phù hợp với nguyện vọng của cháu.

Anh Thái Văn Tr không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị Mai T không yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Mai T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[2.4]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Mai T phải chịu án phí theo quy định.

[3]. Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nói trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Khánh Hòa tại phiên tòa; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mai T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. TU xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mai T, cụ thể:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Mai T, sinh năm 1998 được ly hôn với anh Thái Văn Tr, sinh năm 1994.

2.2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị Trần Thị Mai T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thái Thùy Tú U, sinh ngày 10/9/2021.

Anh Thái Văn Tr không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị Mai T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Mai T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Mai T phải chịu **300.000 đồng** *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào **300.000 đồng** *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Khánh Hòa theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001967 ngày 09/10/2025.

3. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai, chị Trần Thị Mai T có mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tU án. anh Thái Văn Tr vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 7 – Khánh Hòa;
- Phòng THADS khu vực 7 – Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã X, tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu HS, AV.

Lê Trần Anh Khoa